

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2022/HS-ST
Ngày 27-10-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Văn và ông Phan Văn Sự

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 57/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn P** - Sinh năm 1966. Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Pùng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Vi Văn L, đã chết; Con bà: Vi Thị N, sinh năm 1946; Vợ: Vi Thị H, sinh năm 1967; Con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/7/2022 chuyển tạm giam ngày 15/7/2022, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K – Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Lò Thanh X, sinh năm 2005. Trú tại: Bản Pùng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ, ngày 06 tháng 7 năm 2022, khi Vi Văn P, sinh năm 1966, tại: Bản Pùng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát đang đi chăn bò ngoài đường trong bản thì có một người đàn ông dân tộc Mông, nhưng không biết

tên, tuổi, địa chỉ đến hỏi P là có mua ma túy không, P đồng ý mua nhưng do không mang theo tiền nên Vi Văn P chưa lấy ngay lúc này mà chỉ nhà cho người đàn ông này biết. Khoảng 18 giờ cùng ngày, thì P thấy người đàn ông giao bán ma túy cho P lúc chiều đến nhà và đã lấy 17 (Mười bảy) viên hồng phiến (Ma túy tổng hợp), trong đó có 14 (Mười bốn) viên màu đỏ, 03 (Ba) viên màu xanh, đựng trong túi nilon màu xanh đưa cho Vi Văn P và P lấy ra 260.000đ (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng) trả tiền mua số ma túy cho người đàn ông kia. Sau đó người đàn ông kia đi luôn, P không biết đi đâu, còn P thì cất 14 (Mười bốn) viên hồng phiến, loại màu đỏ vào túi quần bên trái đang mặc, số ma túy này được gói thành 04 (Bốn) gói nilon màu hồng, mỗi gói có 03 (Ba) viên, 02 (Hai) viên thì để riêng không gói. Còn 03 (Ba) viên màu xanh được gói trong túi nilon màu xanh thì P mang đi cất ở vách tường đầu giường ngủ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi P đang ở nhà thì có Lò Thanh X, sinh năm 2005, ở cùng bản với P đến nhà hỏi mua ma túy với P. X đưa cho P 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) thì P đưa cho X 03 (Ba) viên hồng phiến, màu đỏ, lấy trong túi quần của P đang mặc ra đưa cho X. Còn X sau khi mua được ma túy thì đi ra ngoài sử dụng hết rồi lại quay vào nhà P, đúng lúc này thì có Công an huyện Mường Lát, Công an xã Quang Chiểu và Đoàn biên phòng Quang Chiểu vào kiểm tra và bắt quả tang Vi Văn P và Lò Thanh X, thu giữ vật chứng của P gồm 11 (Mười một) viên hồng phiến màu đỏ cất giấu trong túi quần; 03 (Ba) viên màu xanh cất giấu trên vách tường đầu giường và thu được 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), đây là tiền mà P vừa bán ma túy cho Lò Thanh X, ngoài ra không thu giữ gì thêm và đưa P với X về Công an xã Quang Chiểu tiếp tục làm việc.

Tại bản kết luận giám định số: 2422/KL-KTHS, ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

“02 (Hai) viên nén, hình trụ tròn màu đỏ của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,171g (Không thấy một bảy một gam), loại: Methamphetamine;

09 (Chín) viên nén, hình trụ tròn, màu đỏ, đựng trong 03 (Ba) gói nilon màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,796g (Không thấy bảy chín sáu gam), loại: Methamphetamine;

03 (Ba) viên nén, hình trụ tròn, màu xanh, đựng trong 01 (Một) gói nilon màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,274g (Không thấy hai bảy bốn gam), loại: Methamphetamine”.

Quá trình điều tra Vi Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Cáo trạng số 61/CT-VKS-ML ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Vi Văn P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Vi Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 251 của BLHS.

Hình phạt áp dụng đối với bị cáo Vi Văn P từ **30** đến **36** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo, còn lại sau giám định tịch thu tiêu hủy; Số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền do bị cáo bán ma túy cho Lò Thanh X mà có nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Miễn án phí hình sự cho bị cáo, vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi đi mua ma túy về tàng trữ để sử dụng và bán kiếm lời là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không có tiền mua ma túy để sử dụng nên đã bán ma túy cho con nghiện để kiếm lời lại tiếp tục mua ma túy về sử dụng, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, không bổ sung thêm tình tiết mới.

Quan điểm của người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình khó khăn. Nên, đề nghị HĐXX áp dụng điểm s, khoản 1 Điều 51 BKHS, xử bị cáo mức án từ 24-30 tháng tù là phù hợp, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, miễn án phí cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37, Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu triệu tập người làm chứng đến phiên tòa, vì đã có đầy đủ lời khai. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định vẫn xét xử vụ án.

[2] Đánh giá chứng cứ; yêu cầu; đề nghị của Kiểm sát viên; hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản lấy mẫu giám định; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và trích mẫu giám định; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Vi Văn P đã mua ma túy với một người đàn ông, dân tộc mông không biết tên, địa chỉ ở tại nhà bị cáo ở bản Pùng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát với số tiền 260.000đ (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng) được 17 viên hồng phiến (Ma túy tổng hợp) vào hồi 18 giờ ngày 06/7/2022, với mục đích vừa sử dụng, vừa bán kiếm lời. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Phiên đã bán cho Lò Thanh X, sinh năm 2005, 03 viên hồng phiến, được số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số ma túy còn lại P vẫn cất dấu để sử dụng và bán kiếm lời.

Hành vi của Vi Văn P là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, làm phức tạp và gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà Nước, là vi phạm pháp luật hình sự.

Bị can đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua ma túy về để sử dụng và bán kiếm lời là vi phạm pháp luật, cũng đủ nhận thức được ma túy có nhiều tác hại đối sức khỏe người sử dụng và là mối hiểm họa cho toàn xã hội, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật lại hạn chế nên đã cố ý mua ma túy về để bán lẻ lại nhằm kiếm lời để phục vụ mục đích cá nhân, bất chấp pháp luật. Sau khi xem xét về hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chất ma túy, khối lượng ma túy, được quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó, HĐXX kết luận: Quan điểm truy tố của

vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; để phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xét xử bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và để bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy; HĐXX, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 251 BLHS. Nhưng theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng vụ án: Chất ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu hiệu hủy.

Số tiền 150.000đ là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] Án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Bị cáo có tội, không thuộc đối tượng được miễn án phí, nên phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[7] Các nhận định khác: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Phiên, Phiên khai không biết tên, địa chỉ, chỉ mới gặp lần đầu và đoán là người Mông, Ngoài ra không biết thông tin gì thêm, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không đủ căn cứ để xác minh và xử lý.

Đối với Lò Thanh X, sinh năm 2005, trú tại: bản Pùng, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát là người mua ma túy của Phiên. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Vi Văn P** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Vi Văn P 03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (06/7/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh hóa phát hành sau giám định, ghi vụ Vi Văn P được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Lê Minh T, Lưu Bình N, Lê Huy K và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự làm giáp lai.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được niêm phong trong một phong bì mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành sau giám định, ghi số 2389/KL-KTHS được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Văn Q, Lê Huy K và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự làm giáp lai.

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/10/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Vi Văn P phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của BLTTHS.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo và Người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Phòng 7 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Mường Lát;
- CQ THAHS – Công an H. Mường Lát;
- Bộ phận Hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

